

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/DS-PT

Ngày 28/4/2026

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Bà Võ Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 đến 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2026/QĐ-PT ngày 12/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 165/QĐ-PT ngày 30/3/2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 185/QĐ-PT ngày 15/4/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh K1 - Sinh ngày 15/5/1999 - Địa chỉ: Thôn P, xã X, thành phố Đà Nẵng.*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Minh L - Sinh năm 1962 - Địa chỉ: Số 33 B7, phường L, thành phố Đà Nẵng. (*Theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2025*). (Có mặt).

* *Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Tổ 27 phường N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Bà Đoàn Thị Diễm K2 - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV N, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06/10/2025, bản trình bày ngày 16/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Minh L trình bày:*

Bà K1 được người quen giới thiệu tham gia chơi biêu, hụi với bà Nguyễn Thị T. Sau khi hai bên trao đổi, thỏa thuận về cách thức tham gia chơi biêu, hụi, theo đó bà K1 có nghĩa vụ đóng đủ tiền theo mức đã xác định; hàng tháng bà T sẽ chuyển khoản tiền lãi tương ứng với phần “âm hụi” của những người đã hốt hụi (được hiểu là người hốt hụi bỏ ra bao nhiêu thì bà K1 được hưởng lợi tương ứng bấy nhiêu). Trên cơ sở đó, từ ngày 21/4/2025 đến ngày 15/6/2025, bà K1 đã nhiều lần chuyển cho bà T tổng số tiền 457.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng*). Việc chuyển tiền đều thực hiện qua ngân hàng và có chứng từ thể hiện rõ từng lần chuyển.

Sau khi nhận tiền, bà T có lập và gửi cho bà K1 bảng chi tiết tiền lãi hàng ngày theo phần “âm biêu” của các hụi viên; tuy nhiên trên thực tế bà T không thực hiện việc chi trả tiền lãi như đã cam kết, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K1 nên bà K1 dừng tham gia và yêu cầu bà T thanh toán. Bà T sau đó đã trả 5.700.000 đồng, số tiền còn lại là 451.300.000 đồng, bà K1 yêu cầu bà T phải thanh toán đủ số tiền còn nợ.

Đối với văn bản do bà T gửi đến Tòa án ngày 12/12/2025, với nội dung đề nghị khấu trừ 30% phí khi dừng tham gia, bà K1 không đồng ý, vì:

Trong quá trình tham gia hụi, bà K1 có biết việc bà T đăng tải một số nội dung quy định chung lên nhóm, trong đó có đề cập đến việc “trừ 30% phí” khi dừng chơi. Tuy nhiên, đây chỉ là quy định do phía bà T đơn phương đặt ra, không phải điều khoản hai bên đã trực tiếp thỏa thuận, bàn bạc và thống nhất khi giao dịch. Bà K1 không ký kết, không xác nhận và cũng không có văn bản nào thể hiện bà K1 đã đồng ý chấp thuận nội dung này. Do đó, nội dung này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ ràng buộc đối với bà K1. Hơn nữa, việc bà K1 dừng tham gia là do bà T

không thực hiện nghĩa vụ trả lãi hằng ngày như đã trao đổi ban đầu, nên việc yêu cầu khấu trừ 30% không có cơ sở để chấp nhận.

Mặc khác, bà T còn cho rằng số tiền 187.720.000 đồng chỉ là tiền bà K1 nhờ bà T chuyển cho người khác nên bà T không có nghĩa vụ thanh toán. Vấn đề này bà K1 hoàn toàn không đồng ý. Bởi, toàn bộ khoản tiền 457.000.000 đồng đều do bà K1 trực tiếp chuyển cho bà T, việc bà T sử dụng số tiền này như thế nào, giao cho ai, hoặc cân đối giữa các hội viên âm - dương theo cách thức quản lý hội của bà T, cũng không làm thay đổi nghĩa vụ thanh toán của bà T đối với bà K1.

Bà K1 xác định: Không thay đổi, không bổ sung, không rút yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán đủ số tiền 451.300.000 đồng, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 10/11/2025 và quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Tôi xác nhận tính từ ngày 21/4/2025 đến ngày 15/6/2025 bà Nguyễn Thị Thanh K1 tự nguyện xin tham gia chơi hội trên sàn biêu của tôi và dương tiền 457.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

Đến ngày 15/6/2025, bà K1 thông báo với tôi là ngừng tham gia và chốt số dương tại lúc này là 457.000.000 đồng, để lại các dây biêu còn dang dở cho tôi tự tính toán với số tiền chốt dương này. Bà K1 muốn tôi trả góp để lấy lại được số tiền trên. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2025, vì nhiều người tham gia hội đồng loạt nghỉ ngang giống như bà K1 nên tôi thông báo dừng hoạt động và lúc này tôi tiến hành thu âm từ các hội viên âm để trả dần cho các hội viên dương. Ban đầu tôi và bà K1 có thống nhất góp nhỏ và đợi sau một thời gian nữa sẽ tăng dần tiền góp lên, khi đang góp trả nợ thì đến ngày 04/11/2025 thì tôi nhận được thông báo của Tòa án về việc bà K1 khởi kiện tôi và buộc tôi phải trả ngay một lần số tiền 457.000.000 đồng.

Tuy nhiên, vào ngày 10/7/2025 đến ngày 09/11/2025, tôi chuyển đã chuyển tổng 5.700.000 đồng (có chứng từ kèm theo). Số tiền còn lại là: 451.300.000 đồng. Với nội dung yêu cầu của bà K1 buộc tôi phải hoàn trả ngay một lần số tiền còn nợ là điều hoàn toàn nằm ngoài khả năng của tôi, mà sẽ theo phương thức góp trước đó là mỗi ngày trả góp 100.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngày 12/12/2025, bị đơn có bản trình bày cho rằng giữa các bên có thỏa thuận khi hội viên dừng chơi sẽ bị trừ 30% phí, đồng thời số tiền 187.720.000 đồng bị đơn

xác nhận là tiền nguyên đơn “nhờ chuyển hộ cho người khác”, nên không thuộc nghĩa vụ của bị đơn và đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền phải thanh toán.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K1 đối với bà Nguyễn Thị T, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 451.300.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 22.052.000 đồng (*Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

4.2 Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền tạm ứng án phí 11.140.000 đồng theo biên lai số 003964 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị huỷ bản án dân sự sơ thẩm vì không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng; Trong trường hợp Toà án cấp phúc thẩm không huỷ thì đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà T trả số tiền còn lại sau khi đối trừ các khoản tiền bà T đã thanh toán là 89.025.000 đồng; bà K1 mất số tiền 30% số tiền biểu sống và 187.720.000 đồng*

tiền chồng đập biêu.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T phát biểu luận cứ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng theo hướng buộc bà T trả bà K1 số tiền còn lại sau khi đối trừ 30% số tiền biêu sống vì bà K1 bỏ ngang theo thoả thuận của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị huỷ bản án dân sự sơ thẩm vì không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng; Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không huỷ thì đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà T trả số tiền còn lại sau khi đối trừ các khoản tiền bà T đã thanh toán là 89.025.000 đồng; bà K1 mất số tiền 30% số tiền biêu sống và 187.720.000 đồng tiền chồng đập biêu. Xét thấy việc bổ sung nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Tại Đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh K1 yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 451.300.000 đồng, bà

Nguyễn Thị T cũng thừa nhận có nhận tiền tham gia chơi biêu của bà K1, xác nhận số tiền chốt dương là 457.000.000 đồng và xin được trả dần số tiền trên mà không có yêu cầu phản tố cũng như đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng. Mặc dù bà K1 không thừa nhận là có tham gia chơi biêu nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX xác định bà K1 có tham gia chơi biêu do bà T làm chủ, tuy nhiên tháng 6/2025 các bên đã thỏa thuận để bà K1 ngừng chơi biêu và xác định nghĩa vụ trả nợ và trên thực tế sau khi thỏa thuận để bà K1 ngừng chơi biêu bà T đã trả dần cho bà K1 nhiều lần với tổng số tiền 5.700.000 đồng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không bổ sung người chơi biêu vào tham gia tố tụng là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật là “Đòi tiền chơi biêu” là chưa chính xác nhưng cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ pháp luật là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” cho phù hợp.

Đối với kháng cáo của bà T cho rằng sau khi bà K1 ngừng chơi biêu thì một số người đã hốt biêu cũng ngừng chơi nhưng không tiếp tục đóng biêu nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả tiền cho bà K1 là không đúng. HĐXX xét thấy khi thỏa thuận ngừng chơi biêu thì những người ngừng chơi biêu đã có viết cam kết trả nợ cho bà T nên bà T có thể khởi kiện những người này bằng vụ án dân sự khác.

Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị T.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm vì không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng; Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không hủy thì đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà T trả số tiền còn lại sau khi trừ các khoản tiền bà T đã thanh toán là 89.025.000 đồng; bà K1 mất số tiền 30% số tiền biêu sống và 187.720.000 đồng tiền chông đập biêu. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T thì thấy:

[3] Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền là 451.300.000 đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà K1 có cung cấp tài liệu chứng cứ là nhiều bản in sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh K1 tại Ngân hàng, tuy nhiên tại bản liệt kê giao dịch tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần K - Chi nhánh

Đà Nẵng - Phòng giao dịch H có thể hiện đầy đủ, chi tiết: số tài khoản, tên người chuyển tiền, thời gian giao dịch, bút toán, tài khoản đối ứng, Ngân hàng đối ứng ... nên HĐXX căn cứ tài liệu, chứng cứ này để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo bản liệt kê giao dịch tài khoản nêu trên thì trong thời gian từ ngày 21/4/2025 đến ngày 04/6/2025 bà K1 có chuyển khoản cho bà T nhiều lần với tổng số tiền là 503.580.000 đồng nên HĐXX chấp nhận nội dung này;

Ngoài ra bà K1 còn cung cấp chứng cứ thể hiện ngày 15/6/2025 bà K1 có chuyển cho bà Võ Thị Liên N số tiền 12.870.000 đồng để nhờ bà N đưa số tiền này cho bà T, tuy nhiên không thể hiện nội dung chuyển tiền, hơn nữa bà T không thừa nhận có nhận số tiền này nên HĐXX không chấp nhận việc bà K1 có chuyển cho bà T số tiền 12.870.000 đồng. Nếu sau này bà K1 có chứng cứ cho rằng có chuyển tiền thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Cũng theo bản sao kê sổ phụ kiêm báo nợ/có do bà T cung cấp thể hiện bà T có nhiều lần chuyển và nhờ người khác chuyển cho bà K1 với tổng số tiền 89.025.000 đồng, hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của bà K1 cũng thừa nhận bà T có chuyển cho bà K1 số tiền trên nên sau khi đối trừ thì bà T còn nợ bà K1 số tiền (503.580.000 đồng - 89.025.000 đồng) = 414.555.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc đối trừ số tiền 187.720.000 đồng:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cho rằng trong tổng số tiền bà K1 yêu cầu thanh toán còn có khoản 187.720.000 đồng là tiền “chồng đập biêu”, còn bà K1 cho rằng là số tiền bà K1 “nhờ bị đơn giao hộ” cho người khác. Trong quá trình giải quyết bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ có chuyển cho người khác số tiền trên nhưng không thể hiện nội dung chuyển tiền nên HĐXX không có căn cứ xác định bà T chuyển tiền cho bà Hồ Dương Minh S, bà Nguyễn Thị H1 và bà Lê Thị Trà H2 là theo yêu cầu của bà K1. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc đối trừ số tiền này trong tổng số tiền 414.555.000 đồng. Nếu sau này bà T có chứng cứ cho rằng có chuyển tiền thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc bà Nguyễn Thị Thanh K1 mất 30% số tiền biêu sống khi dừng chơi biêu:

Tại trang số 12 Vi bằng ngày 18/4/2026 của Văn phòng thừa phát lại H cũng như hình ảnh in từ điện thoại do bà T cung cấp tại phiên tòa thể hiện nội dung: “Pass

biu mất 30% tiền dây hụi sống”; theo bà T thì bà K1 biết nội dung trên vì bà có đưa lên nhóm những người chơi biêu, còn bà K1 cho rằng bà không chơi biêu nên không biết cũng như không thỏa thuận nội dung trên. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện trước khi ngừng chơi biêu bà K1 có tham gia đấu biêu nhiều lần nhưng không được, hơn nữa số tiền 60.270.000 đồng mà bà T chuyển cho bà K1 là tiền hốt biêu nên bà K1 buộc phải biết nội dung bà T đăng trên nhóm những người chơi biêu nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T đối với nội dung này.

Theo thỏa thuận thì khi bà K1 ngừng chơi biêu mất 30% tiền dây hụi sống nên HĐXX xác định số tiền dây hụi sống là (414.555.000 đồng - 187.720.000 đồng) = 226.835.000 đồng, do vậy bà K1 mất số tiền là (226.835.000 đồng x 30%) = 68.050.500 đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền (414.555.000 đồng - 68.050.500 đồng) = 346.504.500 đồng.

Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 346.504.500 đồng như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T có nội dung không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 346.504.500 đồng nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (346.504.500 đồng x 5%) = 17.325.225 đồng.

- Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K1 với số tiền (451.300.000 đồng - 346.504.500 đồng) = 104.795.500 đồng nên bà Nguyễn Thị Thanh K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (104.795.500 đồng x 5%) = 5.239.775 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.140.000 đồng theo biên lai số 003964 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 5.900.225 đồng.

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn

Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000465 ngày 15/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 474/2025/DS-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh K1 đối với bà Nguyễn Thị T về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 346.504.500 đồng (*Ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền phải thi hành án.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 17.325.225 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh K1 phải chịu là 5.239.775 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.140.000 đồng theo biên lai số 003964 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh K1 số tiền 5.900.225 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai số 0000465 ngày 15/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng